TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HS-ST
Ngày 06-01-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Khanh

Thẩm phán: Ông Phạm Ngọc Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Lập, ông Phạm Duy Cương và bà Nguyễn Thị Kim.

Thư ký phiên tòa: Ông Thái Vũ Hải Đăng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 06/1/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 53/2020/TLST-HS ngày 01/12/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2020/QĐXXST-HS ngày 22/12/2020 đối với bị cáo:

Thào A P (Tên gọi khác: Không); Giới tính: Nam.

Sinh ngày 07 tháng 9 năm 2001 tại huyện Tân U, tỉnh Lai Châu

Nơi cư trú: Bản HC 2, xã TĐ, huyện Tân U, tỉnh Lai Châu.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mông; Tôn giáo: Không

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12

Tiền án, Tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt.

Con ông Thào A N, sinh năm 1969 và bà Má Thị L, sinh năm 1971, cùng trú tại xã TĐ, huyện Tân U, tỉnh Lai Châu. Bị cáo chưa có vợ, con.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 15/10/2020, tạm giam từ ngày 24/10/2020. Hiện bị cáo đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Thào A P:* Bà Đỗ Thị Thu B, Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lào Cai. Có mặt.

- *Bị hại:*

1. Anh Lừu Xuân V, sinh năm 1987, nơi cư trú: Thôn SC, xã BM, huyện C, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

2. Cháu Lừu Đại D, sinh ngày 05/11/2014, nơi cư trú: Thôn SC, xã BM, huyện C, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của cháu Lừu Đại D: Chị Thào Thị Ch, sinh năm 1989, nơi cư trú: Thôn SC, xã BM, huyện C, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Lừu Xuân V và cháu Lừu Đại D:* Bà Nguyễn Thị Mai H1, Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lào Cai. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Vàng A C1, sinh năm 1987, nơi cư trú: Bản Nả Dề Th, xã KM, huyện MCC, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Bà Giàng Thị B1, sinh năm 1929, nơi cư trú: Tổ dân phố 3, phường SP1, thị xã SP, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

2. Chị Thào Thị S1, sinh năm 1996, nơi cư trú: Thôn BH, xã NC, huyện Bát X, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

3. Anh Lý A S2, sinh năm 1993, nơi cư trú: Thôn BH, xã NC, huyện Bát X, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

- *Người phiên dịch:* Bà Giàng Thị P1. Địa chỉ: Phố TT, phường DH, thành phố LC, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2013, Lừu Xuân V (sinh năm 1987) đến bản HC 2, xã TĐ, huyện Tân U, tỉnh Lai Châu chơi và quen biết Thào Thị C2 (sinh năm 1998) và Thào Thị Ch (sinh năm 1989). Năm 2014, Lừu Xuân V kết hôn với Thào Thị Ch và cùng sinh sống tại thôn SC, xã BM, huyện C, tỉnh Lào Cai. Cùng năm 2014, Thào Thị C2 chuyển sang Lào sinh sống và lấy chồng là Giàng A Th (sinh năm 1995, trú tại xã KM, huyện MCC, tỉnh Yên Bái). Năm 2015, thông qua C2, Th móc nối với Về để trao đổi mua bán ma túy, Về đồng ý. Một thời gian sau Th, C2 mang 02 gói ma túy tổng hợp đến nhà giao cho Về để Về mang đi bán. Th và Về thỏa thuận giá trị số ma túy trên là 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng), khi nào Về bán được ma túy sẽ trả tiền cho C2 và Th. Sau đó, Về mang số ma túy trên sang Trung Quốc bán cho người đàn ông người Trung Quốc tên S3 (chưa rõ nhân thân lai lịch) nhưng sau đó S3 chưa trả tiền cho V. Vì vậy, Về cũng chưa trả tiền mua ma túy cho Th. Thời gian sau, Th thường xuyên gọi điện thoại đòi tiền V nên V đã bỏ sim điện thoại đang dùng để cắt liên lạc.

Ngày 08/10/2020, Thào Thị C2 sử dụng tài khoản Facebook tên "Ly Yang" nhắn tin vào tài khoản Facebook có tên "Idol P Kòy" của Thào A P và thuê P đòi nợ cho C2 số tiền 500.000.000 đồng vợ chồng Lừu Xuân V nợ C2. C2 bảo P sang nhà Về tại thôn SC, xã BM, huyện C bắt cóc con của anh V đưa đi giấu để C2 ép vợ chồng anh V phải trả tiền cho C2. Nếu đòi được tiền, C2 sẽ trả công cho P 100.000.000 đồng. P đồng ý. Do P nói không có tiền để đi nên C2 bảo P đi đến Km15 huyện MCC, tỉnh Yên Bái sẽ có người đưa tiền. P lấy xe mô tô biển kiểm soát 25U1 – 0951 của mình đi đến địa điểm nêu trên và gặp Vàng A C1 (sinh năm 1987, trú tại bản Nả Dề Th, xã KM, huyện MCC, tỉnh Yên Bái - là anh rể của Th). Sau đó, C1 đưa P đi đến cây ATM tại thị trấn MCC, rút tiền rồi đưa cho P 3.500.000 đồng. Sau khi nhận tiền, P quay về nhà. Đến sáng ngày 09/10/2020, P một mình đi xe mô tô từ nhà sang huyện C nhưng do đã muộn nên P đi vào nhà bạn gái tên Vàng Thị D1 (sinh năm 2006, trú tại thôn TCP, xã TCP, huyện C) và ngủ lại nhà Dín.

Đến sáng ngày 10/10/2020, P đi vào thôn SC theo sự chỉ dẫn của C2. Vừa đi P vừa chụp ảnh các ngôi nhà quanh khu vực thôn SC gửi cho C2 để xác định nhà của anh V. Khi đang đứng trên đường, P nhìn thấy vợ chồng anh V và hai con trai là cháu Lừu Đại D (sinh năm 2014) và Lừu Thành Công (sinh năm 2016) đang đi sang nhà hàng xóm. P xác định được đó là gia đình anh V vì chị Chu trước là hàng xóm của P tại xã TĐ, huyện Tân U, tỉnh Lai Châu. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, P nhìn thấy cháu Lừu Đại D một mình đi bộ trên đường nên đã lại gần hỏi có phải là con bố Về không nhưng Dương không nói gì. P liền lấy điện thoại chụp ảnh cháu D gửi tin nhắn qua mạng xã hội Facebook cho C2 để xác định có phải con của V không thì được C2 xác nhận là đúng. P nói dối cháu Dương mình là cậu của D và bảo D lên xe P đưa đi mua bánh kẹo và đưa sang nhà ngoại chơi. Cháu Dương tin và lên xe của P, P liền chở cháu D đi cất giấu tại nhà anh chị là Thào Thị S1 (sinh năm 1996) và Lý A S2 (sinh năm 1993), cùng trú tại ở thôn BH, xã NC, huyện Bát X, tỉnh Lào Cai. Đến giờ ăn cơm vợ chồng anh V tìm cháu D nhưng không thấy. Tối cùng ngày, thông qua mạng xã hội Facebook, Giàng A Th sử dụng nick "Li Yang" liên lạc với nick của Về là "Luu Xuan V" thông báo đã bắt cóc và giữ con của V, yêu cầu V phải chuẩn bị 500.000.000 đồng để trả cho Th chuộc con, nếu không Th sẽ đánh đập và bán cháu D sang Malayxia. Đồng thời, Th gửi ảnh cháu D cho V xem để xác định việc Th đang giữ con của V là đúng. Vì vậy anh V đã đến Công an tỉnh Lào Cai trình báo, đề nghị giải cứu cháu D.

Khi biết hành vi của P, Thào Thị S1 và Lý A S2 yêu cầu P phải đưa cháu D về trả cho gia đình nhưng P nói chưa có tiền để đi. Sau đó P liên lạc với C2 nói chuyển tiền cho P qua tài khoản của Sử. C2 trao đổi với Th rồi Th hỏi vay và nhờ Vàng A C1 dùng tiền của C1 chuyển vào tài khoản của S2 900.000 đồng.

Tiếp đó P yêu cầu C2 chuyển thêm tiền nhưng lúc này do tài khoản của S2 bị lỗi nên S2 mượn tài khoản của hàng xóm là anh Lý A S3 để C2 chuyển thêm cho P vào tài khoản của Súa 1.000.000 đồng. Sau khi biết có tiền trong tài khoản, trưa ngày 12/10/2020, S2 đi rút tiền để đưa cho P. Đầu giờ chiều ngày 13/10/2020, do không thấy S2 về đưa tiền nên P tiếp tục đưa cháu D đi cất giấu tiếp tại nhà bà nội là Giàng Thị B1 (sinh năm 1929) ở tổ dân phố 3, phường SP1, thị xã SP, tỉnh Lào Cai và không kịp lấy tổng số tiền mà C2 đã nhờ chuyển là 1.900.000 đồng. Tại nhà bà Giàng Thị B1, P không nói cho bà B1 biết về hành vi phạm tội của mình. P cùng cháu D ở lại cho đến sáng ngày hôm sau thì P lấy lý do đi lấy quần áo và gửi cháu D lại cho bà trông hộ rồi đi lên trung tâm thị xã SP chơi. Đến chiều ngày 14/10/2020, khi P đang đi về nhà của mình ở huyện Tân U, tỉnh Lai Châu thì bị lực lượng Công an phát hiện, bắt giữ và yêu cầu chỉ nơi cất giấu, giải cứu cháu Lừu Đại D.

Cáo trạng số 75/CT-VKS-P2 ngày 30/11/2020 của VKSND tỉnh Lào Cai đã truy tố bị cáo Thào A P về tội "Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 169 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bị cáo Thào A P khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trong bản cáo trạng.

Người đại diện hợp pháp của bị hại Lừu Đại D, chị Thào Thị Ch yêu cầu bị cáo Thào A P bồi thường tổn thất tinh thần cho cháu Lừu Đại D số tiền 15.000.000 đồng, đồng thời xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố phát biểu lời luận tội và tranh luận: Giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố bị cáo Thào A P. Đề nghị HĐXX tuyên bị cáo Thào A P phạm tội *"Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại điểm a khoản 4 điều 169, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Thào A P 15 đến 17 năm tù, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Xử lý vật chứng, tuyên quyền kháng cáo và án phí cho bị cáo theo quy định.

Người bào chữa cho bị cáo Thào A P, bà Đỗ Thị Thu B trình bày ý kiến: Nhất trí với tội danh và điều luật của Viện kiểm sát đã truy tố và đề nghị trong bản luận tội tại phiên tòa hôm nay. Đề nghị HĐXX xem xét nguyên nhân và điều kiện phạm tội của bị cáo, tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội cải tạo trở thành người có ích cho xã hội. Do đó, đề nghị áp dụng điểm a khoản 4 Điều 169, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Thào A P 15 năm tù.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho các bị hại Lừu Đại D và Lừu Xuân V, bà Nguyễn Thị Mai H1 trình bày ý kiến: Nhất trí với tội danh và điều luật của Viện kiểm sát đã truy tố và đề nghị trong bản luận tội tại phiên tòa hôm

nay. Đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 4 Điều 169, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Thào A P 17 năm tù và buộc bị cáo bồi thường 15.000.000 đồng tổn thất tinh thần cho cháu Lừu Đại D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]Về tội danh

Tại phiên tòa, bị cáo Thào A P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án.Vì vậy, có đủ cơ sở khẳng định: Ngày 10/10/2020, Thào A P đã dụ dỗ, lừa dối và có hành vi bắt cóc cháu Lừu Đại D, là con của anh Lừu Xuân V và chị Thào Thị Ch, nhằm gây sức ép buộc anh Lừu Xuân V phải trả số tiền 500.000.000 đồng cho Giàng A Th để chuộc con, đồng thời để nhận tiền công 100.000.000 đồng từ Thào Thị C2 và Giàng A Th.

Hành vi nêu trên của bị cáo đã cấu thành tội *"Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản"*. Bản cáo trạng số 75/CT-VKS-P2 ngày 30/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai truy tố bị cáo Thào A P về tội *"Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản"* với tình tiết định khung là *"Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên"* quy định tại điểm a khoản 4 Điều 169 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về hình phạt:

Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản, quyền bất khả xâm phạm về danh dự, nhân phẩm của người khác. Vì vậy, cần phải xử lý bị cáo nghiêm minh theo quy định của pháp luật để giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung.

Xét thấy bị cáo Thào A P trước khi phạm tội có nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Tại phiên tòa, đại diện bị hại Lừu Đại D là chị Thào Thị Ch xin giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo Thào A P. Do đó bị cáo được áp dụng tình

tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là *"Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi"* quy định tại điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Hành vi bắt cóc cháu Lừu Đại D nhằm gây áp lực chiếm đoạt tài sản của anh Lừu Xuân V, nhưng bị cáo chưa đạt được mục đích đã bị cơ quan công an bắt giữ. Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt. Bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với tội phạm chưa đạt. Từ những lý do trên, Hội đồng xét xử xét thấy, cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tù thật nghiêm khắc để đảm bảo tính răn đe của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, bị cáo Thào A P không có tài sản có giá trị, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa, người đại diện của bị hại Lừu Đại D là chị Thào Thị Ch yêu cầu bị cáo Thào A P phải bồi thường tổn thất tinh thần cho cháu Lừu Đại D số tiền 15.000.000 đồng. Bị hại anh Lừu Xuân V yêu cầu bị cáo Thào A P phải bồi thường tổn thất tinh thần cho anh V số tiền 15.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu của người đại diện của bị hại Lừu Đại D là chị Thào Thị Ch: Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu là hợp lý, cần được chấp nhận.

Đối với yêu cầu bồi thường tổn thất về tinh thần của anh Lừu Xuân V: Hội đồng xét xử xét thấy, hành vi phạm tội của bị cáo Thào A P nhằm chiếm đoạt tài sản của anh Về. Tuy nhiên bị cáo chưa đạt được mục đích, chưa gây thiệt hại cho bị hại Lừu Xuân V trên thực tế. Hơn nữa, hành vi phạm tội của bị cáo không gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín của bị hại Lừu Xuân V, do đó yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần của anh Lừu Xuân V là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[5] Về vật chứng:

+ 01 xe máy, loại xe wave, nhãn hiệu ESPORO màu đỏ, biển kiểm soát 25U1-0951 kèm theo 01 Đăng ký xe mô tô số 001099 mang tên Tòng Văn T3: Theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án, đây là chiếc xe được bị cáo mua lại của một người tên Tòng Văn T3, mặc dù chưa sang tên xe nhưng xác định chiếc xe là của bị cáo. Đây là phương tiện được bị cáo sử dụng để thực hiện việc bắt cóc và chở cháu Lừu Đại D đi cất giấu, vì vậy cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

+ 01 điện thoại di động Sam Sung Galaxy M20 mầu xanh đen, bên trong có 02 sim điện thoại của nhà mạng Vinaphone: Đây là phương tiện bị cáo sử dụng để nhận chỉ đạo của Thào Thị C2 về việc bắt cóc cháu D, cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

+ Số tiền 4.250.000 đồng thu giữ của bị cáo Thào A P: Đây là vật chứng liên quan đến tội phạm, là tài sản thuộc quyền sở hữu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vàng A C1. Tuy nhiên, ông C1 không yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền này, đồng thời đề nghị sung quỹ Nhà nước. Do đó cần tịch thu số tiền này để sung quỹ Nhà nước.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Thào A P phạm tội *"Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản"*

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 169, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm i khoản 1 Điều 52, Điều 15, khoản 3 Điều 57 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Thào A P 15 (mười lăm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 15/10/2020.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 592, 593 Bộ luật dân sự năm 2015: Buộc bị cáo Thào A P phải bồi thường tổn thất tinh thần cho bị hại Lừu Đại D, do chị Thào Thị Ch là người đại diện hợp pháp, số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu sung quỹ nhà nước những vật chứng sau:

- Số tiền 4.250.000 (bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) thu giữ của bị cáo Thào A P hiện đang được gửi trong tài khoản số 394909051207 của Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Lào Cai tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Lào Cai theo Giấy nộp tiền ngày 16/11/2020.

- 01(một) xe máy, loại xe WAVE, nhãn hiệu ESPORO màu đỏ, biển số 25U1-0951, số khung 036673, số máy 036673, xe không gương, không yếm, yên xe bị bung dời, bị trầy xước và vỡ nhiều phần nhựa, xe đã qua sử dụng và quá cũ;

- 01 (một) đăng ký xe mô tô, xe máy số 001099 mang tên Tòng Văn T3;

- 01 (một) điện thoại di động Samsung Galaxy M20 màu xanh đen, kèm 02 sim nhà mạng Vinaphone, điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng, hết pin không kiểm tra chi tiết bên trong;

(Những vật chứng trên được mô tả theo biên bản giao, nhận vật chứng số 64 ngày 30/11/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lào Cai và Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai).

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Buộc bị cáo Thào A P phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị hại được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự ".

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
- VKSND cấp cao;
- VKSND tỉnh;
- CQCSĐT Công an tỉnh;
- CQTHAHS Công an tỉnh;
- Sở tư pháp tỉnh;
- PV 27 CA tỉnh;
- Trại tạm giam Lào Cai;
- Bị cáo; Người bào chữa;
- Bị hại; Đại diện bị hại;
- Người BVQLHP;
- Người QLNVLQ;
- THA Tòa án;
- Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Khanh